

Do Ủy ban Quốc tế Quản lý Di sản Văn hóa (ICAHM) soạn thảo và được Đại Hội đồng ICOMOS thông qua tại Lausanne năm 1990.

Mở đầu

Nhân bản văn minh và sự phát triển của các xã hội con người đã được thừa nhận rằng là mối quan trọng cần thiết cho nhân loại để xác định giá trị văn hóa và xã hội của mình.

Di sản văn hóa tạo thành một số cần thiết và hoạt động của con người và thế giới. Cho nên việc bảo vệ và quản lý thích đáng di sản đó là nhiệm vụ đầu tiên cho các nhà văn hóa và các quốc gia khác có mối quan tâm nghiên cứu và lý giải nó, thay thế cho và vì lợi ích của thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau.

Việc bảo vệ di sản này không chỉ dựa trên thu nhập vào việc áp dụng các kỹ thuật văn hóa. Nó đòi hỏi một trình độ và kỹ năng chuyên nghiệp và khoa học riêng biệt. Một sự hiểu biết về di sản văn hóa là một phần cần thiết của kiến trúc, và trong trường hợp đó phải được bảo vệ phù hợp với tiêu chí bảo vệ kiến trúc như đã được nêu trong Hiến chương Venice về Bảo toàn và Trưng tu Di tích và Di sản. Có những yêu cầu khác của di sản văn hóa là một phần của những truyền thống đang tồn tại của các dân tộc bản địa, và để vì những lợi ích di tích di sản này thì việc tham gia của các nhóm văn hóa địa phương là nhiệm vụ cho việc bảo vệ và bảo tồn.

Vì những lý do đó và còn nhiều lý do khác nữa việc bảo vệ di sản văn hóa phải được đặt ra trên sự đồng tác động của nhiều ngành khác nhau. Nó cũng đòi hỏi sự hợp tác của các chức năng chính quyền, các nhà nghiên cứu hàn lâm, xí nghiệp và nhân công công nghiệp và công chúng riêng biệt. Do vậy, hiến chương này đặt ra những nguyên tắc liên quan đến các mặt khác nhau trong quản lý di sản văn hóa. Các mặt đó bao gồm trách nhiệm của các chức năng công quyền và các nhà lập pháp, những nguyên tắc liên quan đến việc thi hành và các quy trình kiểm kê, khảo sát, khai quật, lập hồ sơ, nghiên cứu, bảo quản, bảo toàn, bảo tồn, trưng tu, thông tin, giới thiệu, tiếp xúc của dân chúng và cách sử dụng di sản và trình diễn nghiệp vụ của những người có trách nhiệm bảo vệ di sản văn hóa.

Hiến chương này được thúc giục ra đời bởi thành công của Hiến chương Venice với tư cách là văn kiện chủ chốt, là nguồn gợi ý trong các lĩnh vực chính sách và hành động của chính quyền, của các học giả và các nhà nghiên cứu.

Hiến chương phải phản ánh được những nguyên tắc cốt lõi của bảo tồn và những đóng góp lịch sử cho có giá trị toàn cầu. Vì những lý do đó hiến chương không thể là một nhúng vụn và không năng riêng của từng vùng hoặc từng nước. Cho nên hiến chương còn phải được bổ sung thêm những nguyên tắc, quy tắc trên bình diện vùng và quốc gia.

Điều 1. Định nghĩa và mục đích

"Di sản văn hóa" là bộ phận di sản vật chất mà các phương pháp khảo cổ học cung cấp cho chúng ta những hiểu biết về nó. Di sản này bao gồm mọi vật tích sinh tồn của con người được lưu lại trong những địa điểm liên quan đến mọi hoạt động của con người, trong những cấu trúc đã bị hoang phế, trong những vật tích để các loài (cả những động vật và thực vật) cũng như các vật liệu văn hóa gắn liền với các di tích đó.

Điều 2. Chính sách bảo vệ hợp thể

Di sản văn hóa là một nguồn văn hóa mong manh và không tái sinh được. Do đó việc đầu tư đầu tư phải được quy định để giữ gìn thiểu thiểu của di sản này.

Các chính sách bảo vệ di sản văn hóa phải là bộ phận hợp thành của các chính sách liên quan đến việc sử dụng đất đai, đến phát triển, đến việc hoạch định kinh tế và các chính sách văn hóa, môi trường và giáo dục. Các chính sách bảo vệ di sản văn hóa phải thông qua xuyên suốt xem xét lợi ích cho được của người. Việc tổ chức lập ra những khu đất dành riêng cho khảo cổ học phải làm thành bộ phận của các chính sách trên. Việc bảo vệ di sản văn hóa phải được các nhà hoạch định kinh tế, các cấp quản lý, quốc gia, vùng, địa phương lưu tâm.

Việc tham gia tích cực của quần chúng phải là bộ phận của các chính sách bảo vệ di sản văn hóa. Điều này là thiết yếu khi có dính líu đến di sản của dân bản địa. Việc tham

gia phải được đặt trên cơ sở là để có hiệu quả nhất cho việc hoạch định chính sách. Do đó việc cung cấp thông tin quản lý công chúng là một yêu cầu quan trọng trong việc bảo vệ hợp nhất.

Điểm 3. Pháp chế và Kinh tế

Việc bảo vệ di sản văn hóa phải được coi như là một nghĩa vụ tinh thần đạo lý đối với mọi người, mà đó cũng là trách nhiệm tập thể công chúng. Nghĩa vụ đó phải được thể hiện qua pháp chế thích hợp và qua việc lập ra những quy định đáng để tài trợ cho những chương trình cần thiết cho việc quản lý di sản văn hóa hiệu quả.

Di sản văn hóa là di sản chung cho mọi xã hội con người, do đó nhiệm vụ của mọi đất nước là phải đảm bảo có sự nhận những quy định đáng để dùng vào việc bảo vệ di sản đó.

Pháp chế phải đảm bảo việc bảo vệ di sản văn hóa tuân theo nhu cầu của lịch sử, truyền thống của mọi đất nước và mọi vùng, tạo điều kiện cho việc bảo vệ tài sản và cho các yêu cầu nghiên cứu.

Pháp chế cần phải đặt cơ sở trên khái niệm coi di sản văn hóa là di sản của toàn nhân loại và của các nhóm người chỉ không phải là của một cá nhân người nào hoặc một dân tộc riêng biệt nào.

Pháp chế phải có thể đoán trước hậu quả, suy thoái hoặc biến đổi do việc sửa đổi bất kỳ một di sản hoặc di tích văn hóa nào hoặc môi trường xung quanh nó mà không được sự đồng ý của các cơ quan văn hóa có liên quan.

Pháp chế trên nguyên tắc phải đòi hỏi có khảo sát văn hóa kèm theo dự thảo trong trường hợp phá hủy một di sản văn hóa nào đó là được phép.

Pháp chế phải đòi hỏi, và có điều khoản về, việc bảo vệ quản, quản lý, bảo toàn di sản văn hóa

học phải thích đáng. Những hình phạt theo luật dành phải được thực thi đối với các vi phạm pháp chế di sản văn hóa.

Nếu pháp chế ban hành bổ sung đối với các di sản văn hóa đã được xếp hạng hoặc đã được đăng ký vào danh mục có chức năng chính thức, thì phải nghiêm quy định về bổ sung thêm các di tích và di sản văn hóa không được bổ sung hoặc mới phát hiện cho đến khi tiến hành sơ đánh giá về văn hóa.

Các dự án phát triển tạo ra mất trong những mối đe dọa về vật chất liên quan đối với di sản văn hóa. Nhiệm vụ của người lập pháp quy hoạch là phải đảm bảo rằng trước khi các kế hoạch phát triển được thực hiện phải có tiến hành nghiên cứu tác động của di sản văn hóa, do đó phải đưa những nghiên cứu này vào một dự luật thích đáng quy định phí tổn nghiên cứu đó là gộp vào phí dự án.

Nguyên tắc mà các kế hoạch phát triển phải được vạch ra làm sao để giảm thiểu tác động của kế hoạch di sản văn hóa cũng phải được xác lập trong pháp chế.

Điều 4. Nghiên cứu

Việc bổ sung di sản văn hóa phải được đặt trên cơ sở hiểu biết đầy đủ nhất có thể có được về phạm vi và tính chất di sản. Vì vậy việc nghiên cứu tổng quát các nguồn tài liệu văn hóa là một công việc làm việc thiết yếu, để xây dựng các chiến lược bổ sung di sản văn hóa. Do đó, việc nghiên cứu văn hóa phải là một nghĩa vụ cần tuân trong việc bổ sung và quản lý di sản văn hóa.

Đồng thời, các bên liên quan thành một ngân hàng dữ liệu cần yêu cầu cho việc nghiên cứu tìm tòi khoa học. Do đó việc biên soạn các bên liên quan phải được coi như là một tiến trình liên tục năng động. Do vậy các bên liên quan phải bao gồm thông tin về dữ liệu chính xác và tin cậy về các cấp độ khác nhau. Bởi vì ngay cả những hiểu biết hiện tại cũng có thể tạo thành điểm xuất phát cho các biện pháp bổ sung.

Điều 5. Khảo sát

Hiệu biết khảo cổ học chủ yếu dựa trên khảo sát khoa học di sản văn hóa. Khảo sát bao gồm các mặt lo ngại các phương pháp, tất cả các kỹ thuật không phá hủy thông qua việc lấy mẫu vật để nghiên cứu khai quật toàn bộ.

Phối hợp nhân viên nguyên tắc liên quan trực tiếp là việc thu thập thông tin về di sản văn hóa học phải không được phá hủy chi tiết tích khảo cổ học nào ngoài những chi tiết cần thiết cho mục tiêu bảo vệ hoặc khoa học của cuộc khảo sát. Do đó các kỹ thuật không phá hủy, quan sát trên không và chụp ảnh từ trên, và lấy mẫu vật lúc nào cũng phải được khuyến khích hơn là khai quật toàn bộ.

Một cuộc khai quật bao giờ cũng bao hàm một cách chọn lọc các dữ liệu để lập hồ sơ và báo cáo, mà phải hy sinh một số thông tin khác và có thể sẽ huỷ hoại toàn bộ di tích. Cho nên một cuộc khai quật chỉ được tiến hành sau khi đã suy xét kỹ càng.

Khai quật phải được tiến hành trên những di chỉ và di tích bị đe dọa phá hủy bởi những chi tiết trình phát triển, thay đổi cách sử dụng đất đai, công bố hay bị thiên nhiên huỷ hoại.

Trong những trường hợp đặc biệt, những di chỉ không bị đe dọa có thể được khai quật để làm sáng tỏ những vấn đề nghiên cứu hoặc với mục đích để trình bày cho công chúng. Trong trường hợp đó, trước khi khai quật phải có một sự đánh giá khoa học toàn diện về ý nghĩa của di chỉ. Khai quật phải làm tăng phần và giành một khoản không bị xáo trộn cho việc nghiên cứu về sau.

Sau khi kết thúc khai quật, trong một thời gian hợp lý, phải có báo cáo làm đúng theo chuẩn mực đã được xác định trước cho công trình khảo cổ học, có kèm theo bản kèm kê thích đáng.

Các cuộc khai quật phải được tiến hành theo đúng những nguyên tắc ghi trong văn kiện 1956 của UNESCO (Khuyến nghị về các Nguyên tắc quốc tế áp dụng cho các cuộc khai quật khảo cổ học) cũng như theo đúng những chuẩn mực nghiệp vụ, quốc tế và quốc gia.

Điểm 6. Bảo quản và bảo tồn (Maintenance and Conservation)

Mục tiêu của bản kế hoạch quản lý di sản văn hóa phải là bảo tồn các di tích và di sản văn hóa, bao gồm việc bảo tồn thích đáng lâu dài và việc xử lý (đó có thể là lâu) các hồ sơ và các sưu tập, ... Mọi việc di chuyển các yếu tố của di sản đến một địa điểm mới đều vì phạm nguyên tắc bảo tồn di sản trong khung cảnh gốc của nó. Nguyên tắc này nhằm nhấn mạnh yêu cầu bảo quản, bảo tồn và quản lý thích đáng. Nó cũng khẳng định nguyên tắc là di sản văn hóa không được phép bị thiên nhiên mà gia gió do khai quật và sau khi khai quật nếu không có khả năng tài chính để đem bảo vệ bảo quản và

quản lý.

Cần phải tích cực tìm kiếm và động viên sự cam kết và tham gia của địa phương, coi như là một phương sách để xúc tiến việc bảo quản di sản văn hóa. Nguyên tắc này đặc biệt quan trọng khi xử lý di sản của dân chúng bản địa hoặc của các nhóm văn hóa địa phương. Trong một số trường hợp, tốt nhất là nên giao trách nhiệm bảo vệ và quản lý di sản và di tích cho người bản địa.

Do các hạn chế về nguồn tài chính là không thể tránh được nên việc bảo quản tích cực sẽ được tiến hành trên một cơ sở có chọn lọc. Cho nên việc bảo quản này phải được thực hiện trên một số di sản di tích, trong muôn vàn di sản di tích, dựa trên sự đánh giá khoa học và ý nghĩa và tính tiêu biểu của những di sản di tích này, chứ không chỉ dựa trên phạm vi các di sản danh tiếng và trông hình dáng đẹp mắt.

Điểm 7. Giám thị, thông tin, trưng tu

Việc giám thị di sản văn hóa ra quyết định công chúng là một phương pháp thiết yếu để nâng cao hiểu biết về nguồn gốc và phát triển của các xã hội hiện đại. Động thái đó là một phương pháp quan trọng nhất để thúc đẩy nhận thức về nhu cầu phải bảo vệ di sản đó.

Việc giám thị và thông tin phải được quan niệm như là một việc phải tiến hành liên tục, do đó phải thường xuyên được xem xét điều chỉnh. Phải luôn tâm đến các cách tiếp cận đa diện

đều hiểu rõ được quá khứ.

Việc tái dựng cần đáp ứng hai chức năng quan trọng: để nghiên cứu thực nghiệm và để thể hiện. Vì vậy các cuộc tái dựng cần phải được tiến hành hết sức thận trọng để tránh làm xáo trộn môi trường tích văn hóa còn tồn tại và phải lưu tâm đến môi trường lịch sử tích để đạt được tính xác thực. Các công trình tái dựng không được xây dựng trên các vật tích văn hóa và phải được xác định đúng như vậy.

Điểm 8. Trình độ nghiệp vụ

Đặc điểm bổ sung về quản lý di sản văn hóa, điểm thứ yếu là phải làm cho được nhu cầu ngành khoa học trình độ cao. Do đó việc đào tạo một số lượng thích đáng những người có trình độ nghiệp vụ cao trong các lĩnh vực chuyên môn có liên quan phải là một mục tiêu quan trọng đối với các chính sách giáo dục và quản lý gia. Nhu cầu đào tạo chuyên gia trong các lĩnh vực chuyên môn hoá cao đòi hỏi một số hợp tác quốc tế. Chú ý một số nhà đào tạo nghiệp vụ và nâng cao nghiệp vụ phải được xác lập và duy trì.

Một tiêu chuẩn văn hóa và bổ sung để văn hóa phải lưu tâm đến những thay đổi tích cực phát triển trong bối cảnh hiện tại trong các chính sách toàn. Cũng phải lưu tâm đến sự thật là việc nghiên cứu lịch sử các dân tộc bản địa là quan trọng trong việc bảo tồn và hiểu biết di sản văn hóa cũng như trong nghiên cứu các di tích và di sản văn hóa.

Việc bảo vệ di sản văn hóa là một quá trình phát triển liên tục năng động. Do đó cần phải có một thời gian cho các nhà chuyên nghiệp trong lĩnh vực này cập nhật được tri thức của mình. Các chương trình đào tạo sau đại học phải có sự nhận mạnh đến việc biết đến việc bảo vệ và quản lý di sản văn hóa.

Điểm 9. Hợp tác quốc tế

Di sản văn hóa là di sản chung của toàn nhân loại. Do đó hợp tác quốc tế là điều cần thiết để phát triển và duy trì các chu kỳ một trong việc quản lý di sản đó.

Có một nhu cầu cấp bách là lập ra những cơ chế quốc tế để trao đổi thông tin và kinh nghiệm giữa các nhà nghiên cứu và có trách nhiệm quản lý di sản văn hóa. Việc này đòi hỏi phải tổ chức các hội nghị, hội thảo, trao đổi kinh nghiệm... ở cấp toàn cầu cũng như khu vực, và thiết lập những trung tâm khu vực đào tạo sau đại học. ICOMOS, thông qua các nhóm chuyên môn của mình, cần thúc đẩy tình hình này trong các dự án dài hạn và trung hạn của mình.

Việc trao đổi quốc tế giữa các chức năng nghiên cứu (hành chính, khoa học) cần được phát triển như thế là một phần quan trọng để nâng cao trình độ quản lý di sản văn hóa.

Các chức năng trình hỗ trợ kỹ thuật trong lĩnh vực quản lý di sản văn hóa cần được phát triển để hỗ trợ bảo tồn của ICOMOS.

Hội nghị này, được biên soạn bởi Ủy ban Quốc tế về Quản lý Di sản Văn hóa (ICAHM), một ủy ban chuyên môn của ICOMOS, đã được Đại hội đồng ICOMOS thông qua trong cuộc họp ở Lausanne, Thuỵ Sĩ, vào tháng 10 - 1990.